CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHV-21/DBQG	*Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 01 đến 15/11/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 85%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn khoảng 76% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Trong 15 ngày qua hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo thủy triều và chịu điều tiết thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 17%.
b. Dự báo, cảnh báo
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, riêng khu vực vùng núi có mưa cao phổ biến từ 30-70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 84%. + Trên sông Lô: lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 71%. + Trên sông Đà: Dự báo lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ giảm; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thời kỳ tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 29%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 14%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, hầu hết lượng mưa dưới 10mm

- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 14%. + Trên sông Lục Nam: Dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Dòng chảy giảm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức thấp hơn TBNN cùng kì 43%. + Trên sông Lục Nam: Dòng chảy có khả năng giảm so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 82%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và phía bắc Nghệ An: 26-63mm; nam Nghệ An-Tp. Huế: 88-160mm, riêng tại Huế 401mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 10/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 26%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 70%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 70%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 85%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 10, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 34%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: khu vực Thanh Hóa - Nghệ An phổ biến 15-70mm; khu vực Hà Tĩnh - bắc Quảng Trị phổ biến 50-150mm; khu vực nam Quảng Trị - Huế: 100-300mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 11/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa cuối tháng 10. Tổng lượng

dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 24; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 67%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 70%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 81%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 11, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: lượng mưa phân bố không đều, dao động từ 60-168mm, riêng Đà Nẵng 227mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 10, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 71%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 84% so với TBNN, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 77%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 22%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 41%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao ở mức TBNN.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 100-250mm, có nơi cao hơn; phía nam 50-150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 11, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 65%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 67%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng trên các sông tiếp tục biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 90% so với TBNN, sông Cái Nha

Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 40% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phân bố không đều, phía bắc ít mưa dưới 30mm; phía nam từ 70-100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên sông Đắkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đắk Lắk) biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 43%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phía bắc từ 20-60mm; phía nam từ 40-100mm Tổng lượng mưa: Phía bắc 20-60mm; phía nam 40-100mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 11, lưu lượng dòng chảy trên sông ĐắkBla dao động theo điều tiết của chứa hồ thủy điện; sông Krông Ana ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 88%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 68%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức thấp hơn 20% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 45%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/11/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày… đến ngày…

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	2	<97	30-60	>20-40
	Sơn La	3	<80	20-50	>20-40
	Hòa Bình	9	<83	30-60	>20-40
	Lào Cai	3	<94	30-60	>20-40
	Yên Bái	2	<97	40-70	>15-30
	Tuyên Quang	0	<99	30-60	>20-40
	Hà Giang	17	<68	40-70	>20-40
	Láng	7	<87	20-50	>15-30
	Thái Bình	6	<91	30-60	>15-30
	Nam Định	4	<94	20-50	>15-30
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	0	<100	20-50	>20-40
	Thái Nguyên	16	<55	20-50	>15-30
	Bắc Ninh	1	<98	20-50	>15-30
	Lạng Sơn	0	<100	20-50	Xấp xỉ
	Bắc Giang	1	<97	20-50	Xấp xỉ
	Hải Dương	2	<95	20-50	Xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	26	<36	15-30	Xấp xỉ
	Bái Thượng	26	<65	30-60	Xấp xỉ
	Thanh Hóa	79	<9	30-60	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	63	<8	20-50	Xấp xỉ
	Cửa Rào	14	<72	10-20	Xấp xỉ
	Đô Lương	88	<48	40-70	Xấp xỉ
	Vinh	106	<60	40-70	Xấp xỉ
	Hương Sơn	90	<62	50-100	Xấp xỉ
	Hương Khê	26	<90	40-70	<20-40
	Hà Tĩnh	91	<77	50-100	<20-40
	Đồng Hới	103	<65	80-150	<30-60
	Quảng Trị	148	<57	100-200	<30-60
	Nam Đông	159	<70	150-250	<40-70
	Huế	401	<3	200-300	<20-40
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	227	<36	150-250	<20-40
	Trà My	124	<79	150-250	<40-70
	Ba Tơ	119	<76	100-200	<40-70
	Quảng Ngãi	82	<80	70-150	<40-70
	Quy Nhơn	168	<43	70-150	<30-60
	An Khê	29	<86	40-80	<40-70
	Tuy Hòa	148	<57	80-160	<30-60

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Nha Trang	60	<71	50-100	<30-60
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	29	<62	20-50	<15-30
	Lắk	7	<90	40-70	<15-30
	Buôn Mê Thuột	1	<99	30-60	<15-30
	Biên Hòa	70	<39	40-70	Xấp xỉ
	Cần Thơ	99	<25	50-100	>5-15

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01/11/2026 đến ngày 15/11/2026

Đơn vị: 10^6 m^3

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	134	< 85	117	< 84
Lô	Tuyên Quang	W	162	< 76	188	< 71
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1711	> 4	1037	< 29
Hồng	Hà Nội	W	2136	< 17	1879	< 14
Cầu	Gia Bảy	W	49.2	< 14	36.3	< 43
Lục Nam	Chũ	W	8.8	< 73	6.8	< 82
Mã	Cẩm Thủy	W	376	< 26	303	< 24
Cả	Yên Thượng	W	386	< 70	284	< 67
La	Hòa Duyệt	W	143	< 70	102	< 70
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	41	< 34	66.9	> 6
Thu Bồn	Nông Sơn	W	359	< 66	477	< 65
Trà Khúc	Sơn Giang	W	211	< 71	308	< 67
Ba	Củng Sơn	W	144	< 77	104	< 90
Cái N,T	Đồng Trăng	W	80.2	< 22	77.8	< 48
ĐăkBla	KonTum	W	19.6	< 91	25.9	< 88
Srêpôk	Giang Sơn	W	100.9	< 43	77.1	< 68
Tiền	Tân Châu	W			16939	< 20
Hậu	Châu Đốc	W			2943	< 45